

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035,
giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt yêu cầu và hiệu quả cao.

- Xác định rõ các mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2026-2030 của tỉnh; từ đó có kế hoạch cụ thể, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu theo yêu cầu; làm cơ sở để các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương lập kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục xác định Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là Chương trình có tính chiến lược, lâu dài, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các cấp, các ngành, trong đó ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu.

- Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kế hoạch, trọng tâm, trọng điểm, lộ trình hành động cụ thể, có kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát huy sức mạnh của toàn dân, tinh thần đoàn kết cộng đồng.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý; đưa chỉ tiêu vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của đơn vị, địa phương.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu.

2. Đối tượng thụ hưởng

Các xã, thôn, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu.

3. Thời gian thực hiện

Giai đoạn I của Chương trình: Thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với các vùng khác.

Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng chiến lược.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phân đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt nông thôn mới hiện đại.

b) Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) duy trì mức giảm trên 1,5 điểm %/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm xuống dưới 10%.

c) Phân đầu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

d) Phân đầu thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng 2,5-3 lần so với năm 2020. Thu nhập của người dân tộc thiểu số tăng nhanh, thu hẹp khoảng cách so với bình quân chung.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo)

IV. CÁC HỢP PHẦN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh (gồm 10 nhóm nội dung và 52 nội dung cụ thể; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình).

2. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) (gồm 05 nội dung thành phần và 22 nội dung cụ thể, thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất).

(Các mục tiêu, phân công nội dung thực hiện và cơ quan, đơn vị chủ trì, hướng dẫn, thực hiện các hợp phần, nội dung thành phần Chương trình chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình giai đoạn 2026-2030 khoảng 9.290 tỷ đồng, trong đó:

a) Ngân sách trung ương: 3.760 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư công: 2.800 tỷ đồng;
- Kinh phí thường xuyên: 960 tỷ đồng.

b) Ngân sách địa phương đối ứng theo quy định khoảng 5.530 tỷ đồng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND tỉnh ưu tiên cân đối ngân sách bổ sung cho Chương trình để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Tổng mức vốn huy động thực hiện Chương trình

Tổng mức vốn dự kiến huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 khoảng 19.290 tỷ đồng, với cơ cấu như sau:

- a) Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp: Khoảng 3.760 tỷ đồng, chiếm 19,5%.
- b) Vốn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định: Khoảng 5.530 tỷ đồng, chiếm 28,7%.
- c) Vốn lồng ghép từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án khác: Khoảng 3.000 tỷ đồng, chiếm 15,5%.
- d) Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước): Khoảng 5.000 tỷ đồng, chiếm 25,9%.
- đ) Vốn doanh nghiệp, huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng và người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác: Khoảng 2.000 tỷ đồng, chiếm 10,4%.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong tổ chức thực hiện Chương trình

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện Kế hoạch; tiếp tục xác định thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; củng cố bộ máy giúp việc các cấp theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, hiệu quả; tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình làm một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu theo quy định.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân nông thôn và vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua gắn với phong trào *“Cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035”* do Thủ tướng Chính phủ phát động.

- Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật mới của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; các văn bản, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo và các Bộ, ban, ngành Trung ương; các văn bản của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên liên quan đến Chương trình.

- Tuyên truyền những thành quả đạt được, những bài học kinh nghiệm; tuyên truyền những gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt và mô hình sản xuất tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; những sáng kiến và mô hình tiêu biểu về giữ gìn và bảo vệ môi trường...; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và những bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình ở các địa phương trong tỉnh.

- Tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, cuộc vận động đã được phát động trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là “Xây dựng xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh và mỹ quan đô thị”, “Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp”, “Ngày thứ Bảy xanh”; thường xuyên đánh giá, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Rà soát, hoàn thiện và kịp thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương; ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn, khơi thông và phát huy hiệu quả các nguồn lực.

- Thực hiện lồng ghép đồng bộ, hiệu quả nguồn lực các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án và các nguồn vốn hợp pháp khác; ưu tiên bố trí nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng an toàn khu và các địa bàn còn nhiều khó khăn sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng, doanh nghiệp, HTX, cộng đồng dân cư và các nguồn hợp pháp khác; phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đẩy mạnh công tác vận động đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Khuyến khích các xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi hỗ trợ, đồng hành với các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn thông qua chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nguồn lực, chuyển giao mô hình phát triển sản xuất và huy động doanh nghiệp, Nhân dân tham gia giúp đỡ;...

4. Triển khai có hiệu quả các nội dung trọng tâm của Chương trình

- Triển khai thực hiện hiệu quả 2 hợp phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả các Chương trình, Đề án chuyên đề trọng tâm theo chỉ đạo của Trung ương, tỉnh để phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu, nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước sạch, y tế, giáo dục, hạ tầng số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường và các dịch vụ xã hội cơ bản; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp,... và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn.

- Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, xanh, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, chế biến, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ nông sản. Phát triển sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng phát huy giá trị đặc trưng, bản sắc văn hóa địa phương, thân thiện với môi trường, gắn với phát triển du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, làng nghề truyền thống.

- Tiếp tục củng cố, phát triển các mô hình kinh tế tập thể, trọng tâm là các hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác để hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ nông sản bền vững; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đa dạng hóa sinh kế, phát triển các mô hình giảm nghèo bền vững phù hợp với điều kiện từng địa phương. Đẩy mạnh đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn gắn với nhu cầu thị trường lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; bảo đảm người dân được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, điện và thông tin; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm trong tổ chức triển khai Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp thiếu trách nhiệm, triển khai chậm, kém hiệu quả.

(Một số nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục số 05 kèm theo)

VII. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan Thường trực Chương trình)

- Là đầu mối tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, điều phối chung việc tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; chủ trì triển khai Hợp phần thứ nhất theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

+ Đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung chung của Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh giai đoạn và hằng năm.

+ Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ Tiêu chí về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới hiện đại; xây dựng, điều chỉnh kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm và giai đoạn, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

+ Tham mưu các cơ chế, chính sách và các giải pháp thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 có hiệu quả, bảo đảm hoàn thành kế hoạch.

+ Kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch bảo đảm tiến độ, mục tiêu đề ra; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, tham mưu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở, ban, ngành, địa phương tổng hợp nhu cầu, xây dựng phương án phân bổ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phân bổ cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; rà soát, phân định và ban hành quyết định phân loại các xã theo nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các xã, phường theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai thực hiện Chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu duy trì, triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, cuộc vận động đã được phát động trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là “Xây dựng xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh và mỹ quan đô thị”, “Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp”, “Ngày thứ Bảy xanh”.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập, kiện toàn bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phối hợp rà soát, xác định địa bàn, đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định; tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia thực hiện Chương trình; phối hợp bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án chi tiết phân bổ nguồn kinh phí giai đoạn 2026-2030 và hằng năm cho các nội dung thuộc Hợp phần thứ hai; bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Chương trình có liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình, gửi cơ quan thường trực để tổng hợp chung.

3. Sở Tài chính

- Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định chung về quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; quy định quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán thực hiện Chương trình.

- Chủ trì tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh cân đối ngân sách địa phương và trình phương án phân bổ, giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm; dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương hằng năm thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

- Chủ trì hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc sử dụng vốn đúng mục tiêu, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình giải ngân nguồn vốn, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa cơ sở góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

6. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển y tế cơ sở, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

7. Sở Nội vụ

- Chủ trì hướng dẫn thực hiện phong trào thi đua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; kịp thời tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập, kiện toàn bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Chương trình theo quy định.

8. Các Sở, ngành được phân công phụ trách các nội dung thành phần

- Căn cứ nội dung thành phần của Chương trình và chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2026-2030 và hằng năm chi tiết theo ngành, lĩnh vực; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, tiến độ, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và phân công trách nhiệm cụ thể; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp theo quy định). Thủ trưởng các sở, ngành chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả đầu ra theo từng nội dung thành phần được giao, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và cả giai đoạn của cơ quan, đơn vị.

- Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và quy định của tỉnh, tham mưu ban hành hoặc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại; đồng thời chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thành phần, tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cấp xã, thôn và các chủ thể tham gia thực hiện Chương trình trong lĩnh vực phụ trách.

- Chủ động rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách; lồng ghép, tích hợp hiệu quả các nguồn lực từ các Chương trình MTQG, chương trình, đề án, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác do ngành quản lý để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh theo lộ trình từng năm và cả giai đoạn, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí, kế hoạch vốn hàng năm; tổ chức quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, đúng quy định, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung thành phần, chỉ tiêu, tiêu chí được giao; phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan thường trực) trong công tác chỉ đạo, điều phối, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

9. Ngân hàng Nhà nước Khu vực V

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và thống kê nguồn lực tín dụng góp phần thực hiện Chương trình; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh triển khai thực hiện các chương trình chính sách tín dụng ưu đãi để góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

10. Kho bạc Nhà nước Khu vực VII

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc theo dõi, tổng hợp, cung cấp số liệu giải ngân Chương trình, bảo đảm cập nhật kịp thời, chính xác, thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn thanh toán, kiểm soát chi, giải ngân vốn thực hiện Chương trình theo đúng quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giao dịch, thanh toán vốn các chương trình, dự án; phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải ngân, thanh quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

11. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên

Chủ trì triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; hướng dẫn, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hợp tác xã, tổ hợp tác và các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm, cải thiện sinh kế, xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn,...

12. Thống kê Thái Nguyên

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, tổng hợp, cung cấp số liệu thống kê phục vụ công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tham gia rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phối hợp đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình theo quy định; cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác sơ kết, tổng kết và xây dựng báo cáo định kỳ của tỉnh.

- Hướng dẫn phương pháp thu thập, tính thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn, phục vụ đánh giá, thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

13. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; kịp thời biểu dương mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương điển hình tiên tiến; phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ; phối hợp hướng dẫn, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện các nội dung của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, đồng bào DTTS&MN tích cực tham gia thực hiện Chương trình; biểu dương, tôn vinh, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN, các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định; tiếp tục triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và xây dựng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”.

15. UBND cấp xã

- UBND cấp xã là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; xác định rõ mục tiêu, lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực, danh mục ưu tiên đầu tư,... phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời xử lý hoặc báo cáo xử lý các khó khăn, vướng mắc; gắn kết quả thực hiện Chương trình với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể UBND cấp xã và cá nhân người đứng đầu.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò chủ thể của người dân; khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch; huy động tối đa nguồn lực hợp pháp tại chỗ. Duy trì, triển khai thực hiện hiệu quả phong trào “Xây dựng xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh và mỹ quan đô thị”, “Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” và phát động phong trào thi đua “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp” gắn với Lễ ra quân “Ngày thứ Bảy xanh” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp điều kiện thực tế của địa phương; tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, chỉnh trang cảnh quan, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự.

- Chủ động cân đối, bố trí ngân sách cấp xã và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện Chương trình; quản lý, sử dụng vốn đúng mục tiêu, hiệu quả; thực hiện đầy đủ chế độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí và các nội dung thành phần trên địa bàn. Thực hiện đúng, đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Chương trình theo quy định của Trung ương, của tỉnh và các văn bản liên quan.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình; cập nhật, quản lý dữ liệu, báo cáo trên hệ thống thông tin quản lý thống nhất.

- Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng, công khai, minh bạch, dân chủ; tổ chức hoạt động của Ban phát triển thôn, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới theo quy định.

- Các xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi chủ động nghiên cứu, hỗ trợ, giúp đỡ các xã còn khó khăn, xã đặc biệt khó khăn. Tăng cường vận động Nhân dân phát huy nội lực, chủ động tham gia thực hiện Chương trình; nâng cao trách nhiệm cộng đồng trong quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Tổ chức tự đánh giá, lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu báo cáo; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; thực hiện chế độ báo cáo (tháng, quý, năm) và đột xuất đầy đủ, đúng thời gian quy định; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp với UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung thành phần).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực V;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực VII;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Thống kê Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD, TH.

Huynhpx/2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục số 01
MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu, chỉ tiêu phần đầu giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Phần đầu tỷ lệ số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	95	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Phần đầu tỷ lệ số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	%	10	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2026-2030); riêng năm 2026 thực hiện theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025	điểm %	>1,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	<10	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phần đầu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.		Đạt	Sở Dân tộc và Tôn giáo
6	Phần đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn so với năm 2020	lần	2,5 - 3	Thống kê tỉnh
7	Thu nhập người dân tộc thiểu số tăng nhanh, thu hẹp khoảng cách so với bình quân chung			Thống kê tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phụ lục số 02
DANH SÁCH XÃ PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên đơn vị	Số xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo năm					Ghi chú
		2026	2027	2028	2029	2030	
	Tổng cộng	15	20	15	15	8	
1	Xã Tân Cương	x					
2	Xã Kha Sơn	x					
3	Xã Chợ Đồn	x					
4	Xã Tân Thành	x					
5	Xã Phú Lương	x					
6	Xã Quân Chu	x					
7	Xã Vô Tranh	x					
8	Xã Đại Phúc	x					
9	Xã Phú Xuyên	x					
10	Xã Đại Từ	x					
11	Xã Võ Nhai	x					
12	Xã Phú Bình	x					
13	Xã La Bằng	x					
14	Xã Vạn Phú	x					
15	Xã Diềm Thụy	x					
16	Xã An Khánh		x				

17	Xã Định Hóa		x				
18	Xã Phú Thịnh		x				
19	Xã La Hiên		x				
20	Xã Phú Lạc		x				
21	Xã Đức Lương		x				
22	Xã Bình Thành		x				
23	Xã Nam Hòa		x				
24	Xã Yên Trạch		x				
25	Xã Phú Đình		x				
26	Xã Kim Phụng		x				
27	Xã Thành Công		x				
28	Xã Trại Cau		x				
29	Xã Phượng Tiến		x				
30	Xã Hợp Thành		x				
31	Xã Bình Yên		x				
32	Xã Văn Hán		x				
33	Xã Đồng Hỷ		x				
34	Xã Tân Khánh		x				
35	Xã Bạch Thông		x				
36	Xã Trung Hội			x			
37	Xã Lam Vỹ			x			
38	Xã Cẩm Giàng			x			
39	Xã Phủ Thông			x			

40	Xã Thanh Thịnh			x			
41	Xã Quang Sơn			x			
42	Xã Dân Tiến			x			
43	Xã Văn Lãng			x			
44	Xã Chợ Mới			x			
45	Xã Phong Quang			x			
46	Xã Yên Thịnh			x			
47	Xã Chợ Rã			x			
48	Xã Yên Phong			x			
49	Xã Quảng Bạch			x			
50	Xã Tràng Xá			x			
51	Xã Na Rì				x		
52	Xã Tân Kỳ				x		
53	Xã Vĩnh Thông				x		
54	Xã Nghĩa Tá				x		
55	Xã Nam Cường				x		
56	Xã Nghinh Tường				x		
57	Xã Cường Lợi				x		
58	Xã Thanh Mai				x		
59	Xã Thượng Minh				x		
60	Xã Côn Minh				x		
61	Xã Ngân Sơn				x		
62	Xã Sảng Mộc				x		

63	Xã Yên Bình				x		
64	Xã Thần Sa				x		
65	Xã Ba Bể				x		
66	Xã Xuân Dương					x	
67	Xã Trần Phú					x	
68	Xã Phúc Lộc					x	
69	Xã Văn Lang					x	
70	Xã Nà Phặc					x	
71	Xã Đồng Phúc					x	
72	Xã Bằng Vân					x	
73	Xã Hiệp Lực					x	

Phụ lục số 03
DANH SÁCH XÃ PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên đơn vị	Số xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo năm			Ghi chú
		2028	2029	2030	
	Tổng cộng	3	3	2	
1	Xã Kha Sơn	x			
2	Xã Phú Bình	x			
3	Xã Diềm Thụy	x			
4	Xã Đại Phúc		x		
5	Xã Phú Lương		x		
6	Xã Đồng Hỷ		x		
7	Xã Định Hóa			x	
8	Xã Võ Nhai			x	

Phụ lục số 04

**MỤC TIÊU, PHÂN CÔNG NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CÁC HỢP PHẦN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện	Cơ quan phối hợp hướng dẫn, thực hiện	Ghi chú
I	HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN TỈNH (gồm 10 nội dung thành phần và 52 nội dung cụ thể)				
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát quy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững (gồm 2 nội dung cụ thể)				
1.1	Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (sau đây viết tắt là NTM) giai đoạn 2026- 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM)	Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
1.2	và Quyết định quy định áp dụng các nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Quy định của tỉnh Thái Nguyên).	Nội dung 02: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng NTM trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể)				
2.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế xã hội, nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên;	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.2	b) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 01 về Hạ tầng số - năng lượng xanh thuộc Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại); c) Đạt yêu cầu các điều kiện số 04, số 06, số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM);	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.3	d) Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là vùng đồng bào DTTS&MN):	Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

2.4	- Phần đầu 95% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; - 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông;	Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) phù hợp điều kiện vùng, miền, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.5	- 100% thôn có đường trục chính được cứng hoá; - 100% thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm;	Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.6	- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; - 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 75% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn;	Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.7	- Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.	Nội dung 07: Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, kho lạnh, trung tâm sơ chế, sấy, chế biến, trung tâm cung ứng - thu mua nông sản tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất; đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương. Tập trung, ưu tiên đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.8		Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

2.9	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.10	Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù vùng, miền, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn; vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước; khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, ô nhiễm nguồn nước; vùng đồng bào DTTS&MN; và hỗ trợ cấp nước hộ gia đình đạt chuẩn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, hộ trên địa bàn khó tiếp cận với nước sạch tập trung.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.11	Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.12	Nội dung 12: Thực hiện bố trí ổn định dân cư (với các hình thức bố trí: Tập trung hình thành điểm dân cư mới; xen ghép vào các điểm dân cư hiện có hoặc ổn định tại chỗ đối với địa bàn không có quỹ đất để bố trí tái định cư) theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, khu rừng đặc dụng (theo danh mục dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	

2.13		Nội dung 13: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.14		Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)				
3.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên; b) Đạt yêu cầu các tiêu chí Nông nghiệp thông minh của nhóm tiêu chí số 02 về Nông nghiệp thông minh;	Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.2	phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tiêu chí Tỷ lệ nghèo đa chiều của nhóm tiêu chí số 03 về Bảo đảm an sinh xã hội - nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại;	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

3.3	c) Đạt yêu cầu các điều kiện số 08, số 10 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; d) Đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh và nâng cao thu nhập bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS&MN so với bình quân chung của cả nước, cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân, gắn với thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế nông thôn; đ) Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.	Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.4		Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.5		Nội dung 05: Phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, nâng tầm thương hiệu làng nghề phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của địa phương; chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số làng nghề; tham gia các Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam thường niên và Festival bảo tồn và phát triển làng nghề.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

3.6	Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng vùng, miền; đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững những xã có điều kiện phát triển du lịch.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.7	Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.8	Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.9	Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.10	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

4	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (gồm 5 nội dung cụ thể)				
4.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên. b) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 03 về Bảo đảm an sinh xã hội - nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại;	Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
4.2	c) Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: - Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành,	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

4.3	nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; - Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.	Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
4.4		Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
4.5		Nội dung 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA).	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

5	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 4 nội dung cụ thể)				
5.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công, nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên; b) Đạt yêu cầu các điều kiện số 09, số 12 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên;	Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
5.2		Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
5.3	c) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương và quy định của pháp luật; d) Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN; đ) Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng về trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của	Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu... Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng NTM, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào DTTS&MN thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

5.4	Nhà nước để người dân được biết và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.	Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.	Sở Nội vụ	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
6	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 2 nội dung cụ thể)				
6.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên; b) Đạt yêu cầu tiêu chí Trạm Y tế của nhóm tiêu chí số 02 về Nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại;	Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
6.2	c) Nâng cao năng lực, nhận thức về kiến thức số, chuyển đổi số đối với đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS chủ động tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ an sinh xã hội.	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; các Sở, ngành, UBND cấp xã	

7	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 4 nội dung cụ thể)				
7.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên; b) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 04 về Môi trường sống an toàn, lành mạnh giàu bản sắc văn hóa truyền thống, nhóm tiêu chí số 05 về Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại;	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS&MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
7.2	c) Đạt yêu cầu các điều kiện số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.	Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
7.3		Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
7.4		Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế; các Sở, ngành, UBND cấp xã	

8	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 5 nội dung cụ thể)				
8.1	Đạt yêu cầu một số tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên.	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
8.2		Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”.	Hội Nông dân tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
8.3		Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
8.4		Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

8.5		Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
9	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 2 nội dung cụ thể)				
9.1	a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định của tỉnh Thái Nguyên; b) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về An ninh trật tự thuộc Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại; c) Đạt yêu cầu điều kiện số 13 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.	Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
9.2		Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.	Công an tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

10	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)				
10.1	a) Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả quản trị Chương trình ở tất cả các cấp; bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan, minh bạch, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông từ Trung ương đến xã; b) Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn trên toàn tỉnh; c) 100% cán bộ cấp tỉnh, 95% cán bộ cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG; d) 100% trưởng thôn, thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng được tập huấn về quy trình tham gia thực hiện Chương trình, giám sát đầu tư, truyền thông và huy động cộng đồng; đ) Ít nhất 65% số xã tổ chức định kỳ các khóa tập huấn trực tiếp, đào tạo tại chỗ cho người dân nông thôn về các	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	

10.2	nội dung của Chương trình; tư duy phát triển nông thôn hiện đại, kinh tế đa giá trị, tự chủ sinh kế và quản trị cộng đồng; e) Đổi mới toàn diện công tác truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng và tương tác hai chiều, bảo đảm truyền tải chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình; g) Tăng cường năng lực của hệ thống truyền thông các cấp, hình thành mạng lưới thông tin thông nhất từ trung ương đến cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình;	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
10.3	h) Tổ chức thực hiện sâu rộng, thiết thực, hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên phạm vi cả nước, bảo đảm tính lan tỏa, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm.	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
10.4		Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” do Thủ tướng Chính phủ phát động.	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	

II	HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN (gồm 05 nội dung thành phần và 22 nội dung cụ thể)				
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 06 nội dung cụ thể)				
1.1	a) Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào DTTS di cư không theo kế hoạch; hoàn thành quy hoạch đất ở, cơ bản di dời, bố trí ổn định nhà ở, đất ở cho hộ đồng bào DTTS đang cư trú phân tán tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở; b) Bảo đảm 100% các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, ATK, CT229 có nhu cầu được đầu tư các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học; c) Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc; d) Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng;	Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú, dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên (ưu tiên đầu tư các hạng mục: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS; mua sắm máy móc, thiết phục vụ đào tạo). Ưu tiên tập trung cho địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, ATK, địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống; đầu tư mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa các trường, lớp học, sân chơi cho học sinh phổ thông, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác ở khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
1.2	văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng;	Nội dung 02: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường cơ sở vật chất, tăng cường năng lực thực hiện nhiệm vụ của các trường dự bị đại học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	

1.3	đ) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.	Nội dung 03: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc: Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
1.4		Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN; phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các DTTS; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào DTTS; bảo tồn không gian văn hóa làng, bản, buôn truyền thống của các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
1.5		Nội dung 05: Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
1.6		Nội dung 06: Giải quyết những vấn đề cấp thiết vùng đồng bào DTTS&MN, bao gồm: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết; hỗ trợ đất ở, nhà ở cho các hộ trong diện quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ đất sản xuất đối với đối tượng thay đổi chỗ ở khi bố trí quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư; hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm xã, thôn có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học; đầu tư xây dựng nhà hoả táng, quy hoạch, bố trí quỹ đất làm các khu nghĩa địa, nghĩa trang tập trung vùng đồng bào DTTS.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
1.7		Nội dung 07: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng ở địa bàn các xã ATK, CT229.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 06 nội dung cụ thể)				
2.1	a) Thu nhập người dân tộc thiểu số tăng nhanh, thu hẹp khoảng cách so với bình quân chung; b) Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%;	Nội dung 01: Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, dược liệu có giá trị kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.2	c) Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;	Nội dung 02: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.3	d) Phân đầu có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;	Nội dung 03: Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.4	đ) Phân đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS biết làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa; e) Phân đầu 70% lễ hội truyền thống tiêu biểu được phục hồi, tổ chức thường niên gắn với phát triển du lịch; 100% xã vùng DTTS có cán bộ văn hoá thông tin được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;	Nội dung 04: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào DTTS&MN.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
2.5	g) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu	Nội dung 05: Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Công thương	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

2.6	cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.	Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 3: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)				
3.1	a) Phân đầu tăng quy mô tuyển sinh đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hằng năm đạt ít nhất 10%. b) Nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ ở các cấp triển khai thực hiện hợp phần thứ hai của Chương trình ở vùng đồng bào DTTS&MN. Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục làm yếu tố căn bản để nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN.	Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS&MN về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.2	c) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.	Nội dung 02: Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.3	d) Hỗ trợ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển KT-XH gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS&MN.	Nội dung 03: - Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.			
			Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

		- Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Y tế; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
3.4		Nội dung 04: Các hoạt động đặc thù thuộc nội dung của Chương trình cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín, người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các DTTS và các em là người DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	
4	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 04: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (gồm 01 nội dung cụ thể)				
	a) Phân đầu giảm 50% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù so với thời điểm năm 2024. b) Phân đầu tăng 20% dân số các dân tộc có khó khăn đặc thù. c) Phân đầu tăng 30% tỷ lệ người lao động các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù biết nghề, sống bằng nghề được đào tạo. d) Phân đầu 20% học sinh, sinh viên xuất sắc thuộc dân tộc khó khăn đặc thù được hỗ trợ kinh phí đi đào tạo nước ngoài.	Nội dung 01: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trong phạm vi toàn tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

5	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 05: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)				
5.1	a) Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
5.2	b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn. c) Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.	Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS&MN	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Tư pháp; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
5.3	d) Nâng cao năng lực, nhận thức của đồng bào DTTS trong ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao giá trị cuộc sống và hiệu quả lao động sản xuất.	Nội dung 03: Xây dựng và duy trì, vận hành hệ thống quản lý theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (theo các Nghị định của Chính phủ: Số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030, số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030)	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	

5.4	đ) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật; giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để được tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.	Nội dung 04: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS&MN. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại để đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại, cung cấp nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới nhằm góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các Sở, ngành, UBND cấp xã	
-----	--	---	--	---	--

Phụ lục số 05
MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Nội dung trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành			
	Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	Đã hoàn thành
II	Nội dung trình HĐND tỉnh ban hành			
1	Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; trong đó, có bổ sung chính sách đặc thù của tỉnh: Hỗ trợ vốn ngân sách tỉnh kết hợp với hỗ trợ xi măng cho các xã xây dựng NTM, NTM hiện đại (theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý II/2026	Đã hoàn thành
2	Nghị quyết phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của từng chương trình MTQG (theo quy định tại nội dung thứ hai, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Tài chính	Quý II/2026	Đã hoàn thành

3	Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn ngân sách cấp tỉnh và dự kiến tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm, hằng năm (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	Đã hoàn thành
4	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (theo quy định tại Điều 26, 30, 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	Đã hoàn thành
III	Nội dung phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh			
	Ký kết Bản ghi nhớ phối hợp trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và Ủy ban nhân dân tỉnh để tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội; phát huy vai trò của Nhân dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức thành viên trong huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
IV	Nội dung UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện			
1	Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện (theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 822/QĐ-TTg)	Sở Tài chính	Quý II/2026	Đã hoàn thành

2	Tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, cuộc vận động đã được phát động trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là “Xây dựng xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh và mỹ quan đô thị”, “Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp”, “Ngày thứ Bảy xanh”; thường xuyên đánh giá, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã tổ chức phát động Quý II/2026; duy trì triển khai định kỳ	Đã tổ chức phát động
3	Phân bổ, giao, điều chỉnh và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 năm, dự toán chi ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
4	Ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, lộ trình và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
5	Ban hành các Quyết định của UBND tỉnh về phân nhóm xã thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định cụ thể hóa các Bộ tiêu chí quốc gia về NTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 (theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
6	Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	

7	Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030 để xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030; công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm (theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	
8	Quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030 (theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
9	Phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị do cấp tỉnh quản lý (theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
10	Thành lập Hội đồng lựa chọn dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị do cấp tỉnh quản lý; Hội đồng tự giải thể sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt lựa chọn dự án (theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thành lập sau khi có phát sinh dự án	
11	Quy định hình thức, hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện (theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP)	Sở Tài chính	Quý III/2026	
12	Thành lập Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM hiện đại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	
13	Xây dựng Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 và hàng năm. Thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ tư vấn Hội đồng thẩm định đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Thái Nguyên (theo Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2026	